TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HS-ST
Ngày: 05/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đình Tài; Bà Nguyễn Thị Tiếp

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lan – Thư ký TAND huyện CT, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Cẩm Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2023/TLST-HS, ngày 15 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/HSST-QĐ, ngày 27/6/2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T; Tên gọi khác: Không, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1991, tại: xã ĐT, huyện NL, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Làng L, xã ĐT, huyện NL, Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Mường; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Văn Đ; Sinh năm: 1967; Con bà: Trịnh Thị P, sinh năm 1966; Có vợ là Bùi Thị N và 1 con sinh năm 2018: Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 28/01/2019 Phạm Văn T bị TAND huyện NL, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 24 tháng. Ngày 01/5/2021 Phạm Văn T chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Giấy chứng nhận số 11/GCN-CSCNMT2 của Cơ sở cai nghiện ma tuý số 2 Thanh Hoá

Nhân thân: Tại bản án HSST số 24/2016/HSST, ngày 16/8/2016 Phạm Văn T bị Tòa án nhân dân huyện CT xử phạt 6 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/3/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện CT. Bị cáo có mặt.

2. Bùi Văn L, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1998, tại: xã CC, huyện CT, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn TĐ, xã CC, huyện CT, Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Mường; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Bùi Văn T; Sinh năm: 1972; Con bà: Phạm Thị D, sinh năm 1972; Có vợ là Lê Thị H(Đã ly hôn) và 1 con sinh năm 2018: Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 10/8/2020 Bùi Văn L bị TAND huyện CT ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 24 tháng. Ngày 14/9/2022 Bùi Văn L chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo giấy chứng nhận số 330/GCN-CSCNMT2 của Cơ sở cai nghiện ma tuý số 2 Thanh Hoá.

Nhân thân: Ngày 04/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện CT xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích).

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công An Thành Phố Hà Nội theo Quyết định tạm giam của Tòa án nhân dân Thị xã ST từ ngày 13/6/2023 về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T: Ông Phạm Thanh T – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

Người bị hại: Anh Triệu Văn V, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2005

Địa chỉ: Thôn SL, xã CC, huyện CT, Thanh Hóa, có mặt.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1968

Địa chỉ: Phố 1, Thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Lương Văn T; Địa chỉ: Làng L, xã ĐT, huyện NL, Thanh Hóa, vắng mặt.

- Mai Chí T; Địa chỉ: Khu phố T, Thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 03/3/2023, Phạm Văn T, điều khiển xe mô tô BKS 36X1-1148 chở Bùi Văn L, đi từ xã ĐT, huyện NL đến xã CC, huyện CT với mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến thôn SL, xã CC, thấy gia đình anh Triệu Văn V, sinh năm 2005 không có người ở nhà, xung quanh không có người qua lại nên Thu dừng xe bảo L ngoài xe đợi, còn T đi bộ vào nhà anh V. Thấy cửa nhà hé mở, T gọi nhưng không có ai trả lời nên kéo cửa ra đi vào, quan sát thấy trong nhà có

chiếc Ti vi nhãn hiệu LG 49 inch màu đen có giá trị, T đi đến vị trí chiếc Ti vi tháo giắc và ôm ra ngoài để lên yên xe mô tô cho L ngồi sau giữ, rồi điều khiển xe đến nhà ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1968 trú tại Phố 1, thị trấn NL, huyện NL. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, đến nhà ông Q, T bảo L ngồi ngoài xe đợi, T ôm ti vi vừa trộm cắp được vào bán cho ông Q được số tiền 3.800.000đ *(Ba triệu tám trăm nghìn đồng)*. Sau đó, T chia cho L số tiền 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*, số tiền còn lại T đã sử dụng hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 09/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CT kết luận: 01 (Một) chiếc Ti vi nhãn hiệu LG Model 49 UmM7100 PTA, màu đen, loại 49 inch (Bốn mươi chín inh), sản xuất từ tháng 11 năm 2019 (Tivi đã qua sử dụng) tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 03/3/20323 có trị giá là 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)*

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKSCT, ngày 15/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, truy tố bị cáo Phạm Văn T, Bùi Văn L tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với anh Lương Văn T là người cho T mượn xe mô tô BKS 36X1-1148 để đi thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên anh T không biết bị cáo đã sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, không đủ căn cứ đến truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh T.

Đối với ông Nguyễn Đình Q là người đã mua chiếc Ti vi với Phạm Văn T, tuy nhiên ông Q không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không đủ căn cứ để xử lý đối với ông Nguyễn Đình Q.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T, Bùi Văn L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình Q yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền 3.800.000đ. Bị cáo Phạm Văn T đã tự nguyện bồi thường 2.800.000đ, nay yêu cầu bị cáo Bùi Văn L tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 1.000.000đ.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T, ông Nguyễn Thanh T: Thống nhất với tội danh, hình phạt Viện kiểm sát truy tố đề nghị. Tuy nhiên bị cáo Thu có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình khó khăn do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị HĐXX Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T, Bùi Văn L phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (đối với Phạm Văn T); Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (đối với Bùi Văn L) Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 2 Điều

135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 (đối với Phạm Văn T), khoản 1 điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Phạm Văn T mức án từ 12-15 tháng tù. Xử phạt bị cáo Bùi Văn L mức án từ 09-12 tháng tù. Về dân sự: áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584,585,589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Bùi Văn L có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Đình Q số tiền 1.000.000đ và buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện CT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CT kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, tang vật thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận như sau: Ngày 03/3/2023, tại thôn SL, xã CC, huyện CT, Phạm Văn T và Bùi Văn L đã có hành vi lợi dụng sơ hở của bị hại trộm cắp tài sản là 01 (Một) Ti vi nhãn hiệu LG Model 49 UmM7100 PTA, màu đen, loại 49 inch của gia đình anh Triệu Văn V trị giá 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)*. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân huyện CT truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng không chịu lao động, sớm xa vào các tệ nạn xã hội nghiện hút, trộm cắp. Các bị cáo đều đã bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc, có nhân thân xấu, nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện thành người có ích. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác. Vì vậy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo.

[5] Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo Phạm Văn T là người khởi xướng thực hành tích cực, bị cáo Bùi Văn L là người giúp sức, do đó Phạm Văn T có vai trò cao hơn Bùi Văn L.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn T có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là "Thành khẩn khai báo", "Đã tự nguyện bồi thường, khắc phục thiệt hại". Bị cáo Bùi Văn L có 1 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là "Thành khẩn khai báo". Ngoài ra cả hai bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là: Tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về dân sự: Người bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét. Ông Nguyễn Đình Q yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền 3.800.000đ là tiền ông mua chiếc ti vi do các bị cáo trộm cắp. Bị cáo T đã tự nguyện bồi thường 2.800.000đ, do đó cần ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo Phạm Văn T và yêu cầu bị cáo Bùi Văn L tiếp tục bồi thường số tiền 1.000.000đ cho ông Nguyễn Đình Q.

[7]. *Về án phí:* Bị cáo Phạm Văn T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí. Bị cáo Bùi Văn L phải chịu án phí HSST, án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (đối với Phạm Văn T); Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (đối với Bùi Văn L) Điều 38, Điều 17, Điều 48, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 (đối với Phạm Văn T); Khoản 1 điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T, Bùi Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2023.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn L 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Văn L có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Đình Q số 1.000.000đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền trên, người được thi hành án làm đơn đề nghị thi hành án thì bị cáo còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thi người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo Phạm Văn T. Bị cáo Bùi Văn L phải chịu 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại; Người có Q&NVLQ;
- VKSND huyện CT;
- P7 - VSKND Tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện CT;
- Chi cục THA dân sự huyện CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dung